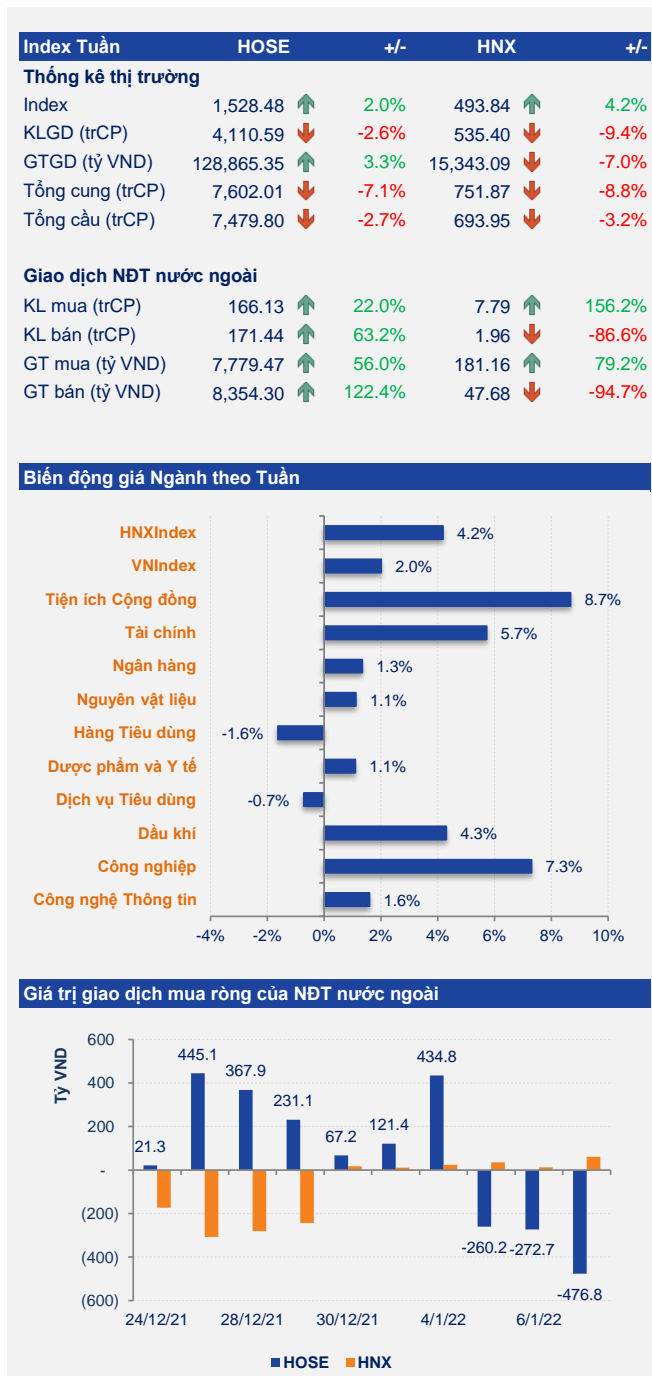


WEEKLY WRAP

Tuần GD từ: 4/1/2022 - 7/1/2022



DIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp nối đà tăng sang tuần giao dịch đầu tiên của năm 2022 với thanh khoản gia tăng. Cụ thể, kết thúc tuần giao dịch, VN-Index tăng 30,02 điểm (+2%) lên 1.528,48 điểm; HNX-Index tăng 19,85 điểm (+4,2%) lên 493,84 điểm. Thanh khoản trong tuần qua suy giảm so với tuần trước đó nhưng vì chỉ có 4 phiên giao dịch nên thanh khoản giao dịch trung bình mỗi phiên được cải thiện với khoảng 36.000 tỷ đồng giao dịch mỗi phiên trên hai sàn. Tính trong cả tuần, giá trị giao dịch trên HOSE tăng 3,3% lên 128.865 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch giảm 2,6% xuống 4.111 triệu cổ phiếu; giá trị giao dịch trên HNX giảm 7% xuống 15.343 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch giảm 9,4% xuống 535 triệu cổ phiếu. Gần như toàn bộ các nhóm ngành cổ phiếu đều tăng trưởng trong tuần qua. Cổ phiếu tiện ích cộng đồng tăng mạnh nhất với 8,7% giá trị vốn hóa nhờ mức tăng của các cổ phiếu tiêu biểu như GAS (+11,7%), POW (+15,1%)... Tiếp theo là nhóm cổ phiếu công nghiệp với mức tăng 7,3% giá trị vốn hóa, nhờ vào mức tăng của một số trụ cột như GEX (+20,5%), VCG (+8,1%), CII (+24,8%), CTD (+3,7%)... Ngành tài chính tăng mạnh 5,7% giá trị nhờ sự đóng góp của các cổ phiếu thuộc ngành con bất động sản như VHM (+4,1%), VRE (+15,4%), DIG (+21,1%), NLG (+1,4%), KDH (+11%), CEO (+30,5%)... Cổ phiếu dầu khí tăng 4,3% nhờ diễn biến tích cực của giá dầu, có thể kể đến các mã như BSR (+5,2%), OIL (+11,7%), PLX (+4,5%), PVD (+6,4%), PVS (+6,2%), PVB (+1,5%), PVC (+2,4%), PVT (+3,7%)... Các ngành công nghệ thông tin (+1,6%), ngân hàng (+1,3%), nguyên vật liệu (+1,1%), dược phẩm và y tế (+1,1%) tăng nhẹ. Ở chiều ngược lại, hàng tiêu dùng giảm mạnh nhất với 1,6% giá trị vốn hóa, dịch vụ tiêu dùng giảm 0,7%.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường khởi đầu năm mới 2022 khá tích cực với sắc xanh trên cả hai sàn giao dịch và thanh khoản được cải thiện lên mức cao với trung bình 36.000 tỷ đồng mỗi phiên trên hai sàn. Đây là mức thanh khoản tương đối cao, điều này cho thấy là bên mua đã thắng thế trong tuần qua và dòng tiền vẫn đang đổ vào thị trường. VN-Index đã vượt thành công kháng cự mang tính tâm lý 1.500 điểm để hướng đến mục tiêu tiếp theo của chỉ số này là vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Chỉ số đã có 3 phiên liên tiếp tiến vào vùng giá trên nhưng đều thất bại và trong tuần giao dịch tiếp theo 10/1-14/1, VN-Index có thể tiếp tục tăng điểm để tiến vào vùng kháng cự kể trên. Nhà đầu tư đã chốt lời một phần danh mục trong phiên đầu tuần 4/1 để đưa tỷ trọng cổ phiếu về mức cân bằng có thể tiếp tục nắm giữ để hướng tới những vùng giá cao hơn.

WEEKLY WRAP

Tuần GD từ: 4/1/2022 - 7/1/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong tuần giao dịch qua với ba phiên tăng điểm và hai phiên điều chỉnh vào thứ 4 và thứ 6. Mức cao nhất trong tuần đạt được tại 1.536,24 điểm và mức thấp nhất trong tuần là 1.507,19 điểm. Kết tuần, VN-Index tăng 30,2 điểm (+2%) lên 1.528,48 điểm.

ACC là cổ phiếu tăng giá mạnh nhất tuần với mức tăng 31% từ 16.000 đồng lên 20.900 đồng, tiếp theo là NVT với mức tăng 30% từ 12.450 đồng lên 16.200 đồng. Ở chiều ngược lại, LCM là cổ phiếu giảm mạnh nhất tuần với mức giảm 20% từ 11.950 đồng xuống 9.580 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng mạnh trong tuần giao dịch qua với cả năm phiên chỉ số đều tăng điểm. Mức cao nhất và thấp nhất trong tuần lần lượt tại 493,94 điểm và 467,51 điểm. Kết tuần, HNX-Index tăng 19,85 điểm (+4,2%) lên 493,84 điểm.

VIE là cổ phiếu tăng giá ấn tượng nhất tuần với mức tăng 45% từ 10.200 đồng lên 14.800 đồng, tiếp theo là L14 với mức tăng 43% từ 259.900 đồng lên 371.200 đồng. Ở chiều ngược lại, GDW là cổ phiếu có mức giảm mạnh nhất tuần với 14% từ 25.200 đồng xuống 21.700 đồng.

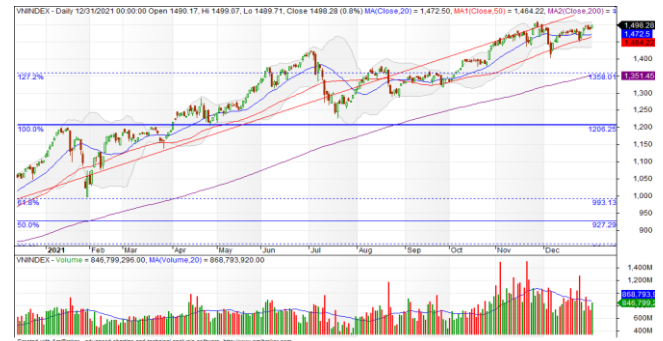
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 574,83 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 5,31 triệu cổ phiếu. Xét theo khối lượng ròng, mã bị bán ròng nhiều nhất là CII với 8,3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là KBC với 7,8 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VHM là mã được mua ròng nhiều nhất với 7 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 133,48 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 5,83 triệu cổ phiếu. Xét theo khối lượng ròng, PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là DL1 với 2,8 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CTB là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 265 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index



VN-Index (+2%) tăng điểm trong tuần thứ hai liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với tuần trước đó nhưng vì đây là tuần giao dịch với chỉ bốn phiên nên thực tế là mức thanh khoản này cao hơn tuần trước và cao hơn mức trung bình cho thấy lực cầu mua lên là tương đối tốt và dòng tiền vẫn đang chảy vào thị trường.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Chỉ khi giảm mạnh và đánh mất ngưỡng hỗ trợ 1.350 điểm (fibonacci retracement 100% sóng điều chỉnh 4) thì mới xác nhận là kết thúc sóng này.

Với tuần tăng điểm khá tốt vừa qua thì chỉ số VN-Index tiếp tục chinh phục được những ngưỡng cao mới mà ở đây là ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm. Điều này đã củng cố cho xu hướng tăng của thị trường và mục tiêu tiếp theo của VN-Index sẽ là vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 61,8% sóng điều chỉnh 4).

Dự báo, trong tuần giao dịch tiếp theo 10/1-14/1, VN-Index có thể tiếp tục xu hướng tăng để tiến vào vùng kháng cự tiếp theo trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

Tuy nhiên, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần lùi xuống test ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm để lấy động lực tiếp tục chinh phục những ngưỡng cao mới.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Bloomberg: Việt Nam, Indonesia và Trung Quốc sẽ có mức tăng lạm phát cao trong khu vực năm 2022

Bloomberg đưa tin, lạm phát ở Việt Nam và Indonesia năm 2022 được dự báo tăng cao nhất so với năm 2021 trong khu vực châu Á. Điều này ảnh hưởng bởi áp lực giá từ chuỗi cung ứng toàn cầu.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng

Tại thời điểm 16 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 60,9 - 61,5 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm tăng 10 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 7/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.138 VND/USD, tăng 10 đồng so với hôm qua.

TIN THẾ GIỚI

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 0,1 USD/ounce tương ứng với 0,1% lên 1.789,6 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm

Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,196 điểm tương ứng 0,2% xuống 96,130 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1315 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3548 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,84 JPY.

Giá dầu thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,6 USD/thùng tương ứng với 0,76% lên mức 80,03 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ giảm điểm

Kết thúc phiên giao dịch ngày 6/1, chỉ số Dow Jones giảm 170,64 điểm tương ứng 0,47% xuống 36.236,47 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 19,31 điểm tương ứng 0,13% xuống 15.080,87 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 4,53 điểm tương ứng 0,1% xuống 4.696,05 điểm.



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VHM	7,031,100	CII	(7,774,300)
2	DXG	3,019,800	VRE	(4,769,100)
3	STB	2,971,330	VNM	(3,997,284)
4	KBC	2,944,100	HSG	(3,834,400)
5	HPG	2,302,300	NVL	(2,877,300)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	2,950,500	CTB	(265,083)
2	DL1	2,815,550	TNG	(194,840)
3	MBG	379,370	KLF	(174,700)
4	PVI	337,410	PVG	(161,900)
5	ACM	274,000	ART	(114,794)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	13.50	16.00	↑ 18.52%	17,902,640
STB	30.50	31.95	↑ 4.75%	17,584,407
HAG	14.25	14.30	↑ 0.35%	16,524,270
GEX	38.00	49.00	↑ 28.95%	16,357,328
FLC	18.65	22.55	↑ 20.91%	15,823,060

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	8.30	10.30	↑ 24.10%	59,110,667
PVS	27.70	29.00	↑ 4.69%	46,695,648
ART	16.30	18.10	↑ 11.04%	36,228,645
CEO	70.70	92.50	↑ 30.83%	33,213,414
SHS	51.10	51.50	↑ 0.78%	33,071,399

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ACC	14.97	20.90	5.9	↑ 39.60%
NVT	12.20	16.20	4.0	↑ 32.79%
GEX	38.00	49.00	11.0	↑ 28.95%
UDC	11.00	14.15	3.2	↑ 28.64%
BAF	42.40	53.70	11.3	↑ 26.65%

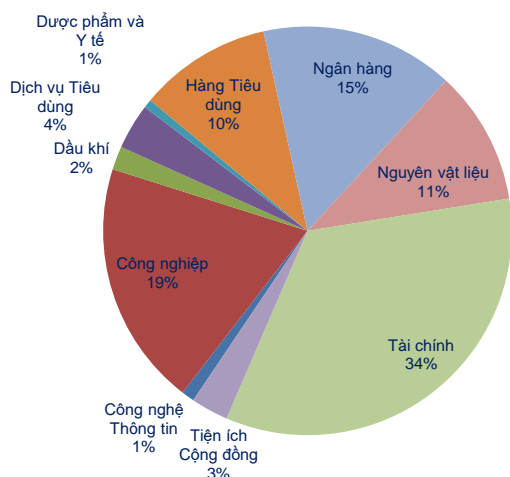
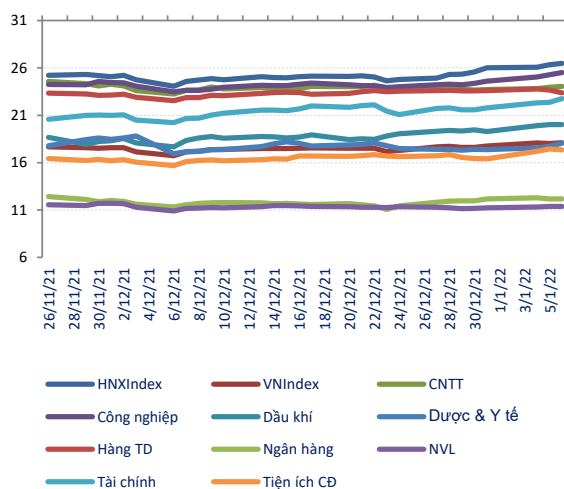
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VIE	9.30	14.80	5.5	↑ 59.14%
L14	249.00	371.20	122.2	↑ 49.08%
VXB	25.00	36.50	11.5	↑ 46.00%
ECI	16.80	24.40	7.6	↑ 45.24%
CKV	14.60	21.20	6.6	↑ 45.21%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FRT	104.50	88.80	-15.7	↓ -15.02%
LCM	11.20	9.58	-1.6	↓ -14.46%
HOT	38.10	33.55	-4.6	↓ -11.94%
TAC	75.00	66.50	-8.5	↓ -11.33%
MSN	171.50	154.00	-17.5	↓ -10.20%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GDW	27.90	21.70	-6.2	↓ -22.22%
L40	36.00	29.80	-6.2	↓ -17.22%
SDA	29.70	25.50	-4.2	↓ -14.14%
BXH	17.40	15.00	-2.4	↓ -13.79%
CAN	61.00	54.00	-7.0	↓ -11.48%

(*) Giá điều chỉnh

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH
Giá trị giao dịch tuần theo Ngành

Chuỗi PE ngành và thị trường

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	17,902,640	3.1%	324	46.9	1.4
STB	17,584,407	11.1%	1,864	17.5	1.8
HAG	16,524,270	-18.4%	-1,220	-	2.7
GEX	16,357,328	8.6%	1,754	26.5	2.0
FLC	15,823,060	13.1%	1,967	10.7	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	59,110,667	0.1%	6	1,546.8	0.9
PVS	46,695,648	4.6%	1,238	22.9	1.0
ART	36,228,645	0.3%	32	537.8	1.5
CEO	33,213,414	-4.7%	-606	-	6.9
SHS	33,071,399	25.5%	3,061	16.7	2.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ACC	↑ 39.6%	10.9%	1,875	10.4	1.7
NVT	↑ 32.8%	-8.8%	-402	-	3.3
GEX	↑ 28.9%	8.6%	1,754	26.5	2.0
UDC	↑ 28.6%	-2.1%	-233	-	1.2
BAF	↑ 26.7%	13.4%	1,958	25.6	2.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VIE	↑ 59.1%	1.1%	72	186.4	2.1
L14	↑ 49.1%	13.6%	1,987	169.8	20.5
VXB	↑ 46.0%	-13.8%	-979	-	5.6
ECI	↑ 45.2%	12.7%	2,516	8.8	1.2
CKV	↑ 45.2%	0.6%	131	147.0	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	7,031,100	38.3%	8,968	9.5	3.1
DXG	3,019,800	7.5%	1,406	27.1	1.7
STB	2,971,330	11.1%	1,864	17.5	1.8
KBC	2,944,100	6.0%	1,509	40.9	2.3
HPG	2,302,300	44.7%	7,085	6.5	2.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	2,950,500	4.6%	1,238	22.9	1.0
DL1	2,815,550	2.0%	230	66.5	1.4
MBG	379,370	4.0%	422	41.9	1.7
PVI	337,410	13.2%	4,298	11.3	1.6
ACM	274,000	0.0%	2	1,446.6	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	397,645	2.9%	1,111	94.1	2.4
VCB	374,343	20.4%	4,464	17.7	3.4
VHM	371,428	38.3%	8,968	9.5	3.1
HPG	206,202	44.7%	7,085	6.5	2.4
GAS	198,477	16.9%	4,384	23.7	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	92,820	25.2%	4,694	56.5	16.1
KSF	26,250	8.8%	751	116.5	4.4
CEO	22,234	-4.7%	-606	-	6.9
IDC	21,300	11.8%	1,805	39.3	4.5
VCS	18,720	41.5%	11,163	10.5	4.0



Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
11/11/2021	7/1/2022	7/12/2021	6/12/2021	DIC	Đại hội Đồng Cổ đông
17/11/2021	7/1/2022	7/12/2021	6/12/2021	BRC	Đại hội Cổ đông Bất thường
10/12/2021	7/1/2022	17/12/2021	16/12/2021	HPD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/12/2021	7/1/2022	17/12/2021	16/12/2021	A32	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/12/2021	7/1/2022	22/12/2021	21/12/2021	SDN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/12/2021	7/1/2022	7/1/2022	7/1/2022	C36	Tạm dừng Niêm yết
20/12/2021	7/1/2022	24/12/2021	23/12/2021	HAN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/12/2021	7/1/2022	29/12/2021	28/12/2021	MDF	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/12/2021	7/1/2022	29/12/2021	28/12/2021	RAL	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/12/2021	7/1/2022	7/1/2022	7/1/2022	FUEKIV30	Niêm yết mới
29/12/2021	7/1/2022	7/1/2022	7/1/2022	HHV	Tạm dừng Niêm yết
30/12/2021	7/1/2022	7/1/2022	7/1/2022	VAT	Chuyển Sàn
5/1/2022	7/1/2022	7/1/2022	7/1/2022	VC7	Niêm yết thêm
6/2/2020	10/1/2022	7/1/2022	7/1/2022	MWG	Niêm yết thêm
10/11/2021	10/1/2022	24/12/2021	23/12/2021	PHN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26/11/2021	10/1/2022	9/12/2021	8/12/2021	AAA	Đại hội Cổ đông Bất thường
26/11/2021	10/1/2022	13/12/2021	10/12/2021	CTS	Đại hội Cổ đông Bất thường
29/11/2021	10/1/2022	14/12/2021	13/12/2021	PAN	Đại hội Cổ đông Bất thường
3/12/2021	10/1/2022	13/12/2021	10/12/2021	CRE	Đại hội Cổ đông Bất thường
3/12/2021	10/1/2022	10/12/2021	9/12/2021	SJE	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/12/2021	10/1/2022	24/12/2021	23/12/2021	VSM	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/12/2021	10/1/2022	7/1/2022	7/1/2022	ODE	Niêm yết mới
31/12/2021	10/1/2022	7/1/2022	7/1/2022	HTN	Niêm yết thêm
29/12/2021	10/1/2022	11/1/2022	10/1/2022	GDT	Phát hành cổ phiếu
4/1/2022	10/1/2022	7/1/2022	7/1/2022	TOT	Tạm dừng Niêm yết
4/1/2022	10/1/2022	7/1/2022	7/1/2022	BIG	Niêm yết mới
4/1/2022	10/1/2022	7/1/2022	7/1/2022	PHC	Niêm yết thêm
27/10/2021	11/1/2022	15/11/2021	12/11/2021	TIX	Đại hội Đồng Cổ đông
30/11/2021	11/1/2022	10/12/2021	9/12/2021	PNJ	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/12/2021	11/1/2022	30/12/2021	29/12/2021	DGC	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

TRỤ SỞ:

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

CHI NHÁNH TP.HCM

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn